

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm**  
**và cơ cấu ngạch công chức của Sở Ngoại vụ**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BNV ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Quyết định số 2018/QĐ-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Nội vụ Phê duyệt danh mục vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh An Giang;

Căn cứ Công văn số 491/UBND-TH ngày 19 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm trong từng cơ quan, tổ chức hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1888/TTr-SNV ngày 16 tháng 11 năm 2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở Ngoại vụ với những nội dung chính như sau:

1. Số lượng vị trí việc làm của Sở Ngoại vụ:

a) Tổng số vị trí việc làm thuộc nhóm công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành: 08 vị trí;

b) Tổng số vị trí việc làm thuộc nhóm công việc chuyên môn, nghiệp vụ: 08 vị trí;

c) Tổng số vị trí việc làm thuộc nhóm công việc hỗ trợ, phục vụ: 13 vị trí, trong đó: 09 vị trí công chức và 04 vị trí hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP.

## 2. Ngạch công chức tối thiểu:

a) Ngạch chuyên viên chính và tương đương: 02 vị trí;

b) Ngạch chuyên viên và tương đương: 17 vị trí;

c) Ngạch cán sự, nhân viên và tương đương: 06 vị trí;

d) Không xác định cơ cấu ngạch đối với các vị trí thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ là lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP.

đ) Công chức phải đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn nghiệp vụ của ngạch tối thiểu tương ứng với từng vị trí việc làm do Bộ Nội vụ phê duyệt. Về tiêu chuẩn nghiệp vụ của ngạch công chức được quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nội vụ và Thông tư số 05/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ ngày 15 tháng 8 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09 tháng 10 năm 2014 và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và việc tổ chức thi nâng ngạch công chức và Thông tư của các Bộ quản lý ngạch công chức chuyên ngành.

### **Điều 2.** Giám đốc Sở Ngoại vụ có trách nhiệm:

1. Căn cứ danh mục vị trí việc làm; số biên chế công chức được giao hàng năm và các quy định của pháp luật; có trách nhiệm bố trí, sử dụng biên chế phù hợp. Trong đó, không nhất thiết mỗi vị trí việc làm là 01 biên chế; cần tăng cường kiêm nhiệm một số chức danh tại cơ quan, đơn vị.

Đồng thời, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế công chức hàng năm, nhằm đảm bảo tỷ lệ tinh giản biên chế công chức đến năm 2021 tối thiểu đạt 10% trên tổng biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2015.

2. Tiếp tục hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để làm cơ sở tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức theo quy định.

Sắp xếp bố trí công chức theo danh mục vị trí việc làm đảm bảo phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ, yêu cầu, khối lượng công việc của thực tiễn hoạt động. Chủ động xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để từng bước chuẩn hóa đội ngũ theo vị trí việc làm.

3. Quản lý và chỉ đạo các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức theo vị trí làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tối thiểu tương ứng đã được phê duyệt.

4. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ pháp luật quy định, tiến hành rà soát danh mục vị trí làm việc, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Bộ Nội vụ việc điều chỉnh phù hợp tình hình thực tiễn.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Ngoại vụ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- TT. TỰ, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh ;
- Ban Tổ chức TU;
- VP UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Sở Ngoại vụ;
- Lưu: HCTC, TH.

**CHỦ TỊCH**

**Vương Bình Thạnh**

**SỐ LƯỢNG VÀ DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SỞ NGOẠI VỤ**  
*(Kèm theo Quyết định số 3536 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2017  
của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang)*

<b>Mã VTVL</b>	<b>Tên đơn vị/VTVL</b>	<b>Ngạch công chức tối thiểu</b>
<b>19</b>	<b>SỞ NGOẠI VỤ</b>	<b>29</b>
<b>19.1</b>	<b>Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành</b>	<b>8</b>
19.1.1	Giám đốc Sở	CVC
19.1.2	Phó Giám đốc Sở	CVC
19.1.3	Trưởng phòng	CV
19.1.4	Chánh Thanh tra	TTV
19.1.5	Chánh Văn phòng	CV
19.1.6	Phó Trưởng phòng	CV
19.1.7	Phó Chánh Thanh tra	TTV
19.1.8	Phó Chánh Văn phòng	CV
<b>19.2</b>	<b>Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ</b>	<b>8</b>
19.2.1	Hợp tác quốc tế	CV
19.2.2	Phiên dịch	CV
19.2.3	Lễ tân đối ngoại	CS
19.2.4	Quản lý hội nghị, hội thảo có yếu tố nước ngoài	CV
19.2.5	Công tác lãnh sự	CV
19.2.6	Theo dõi người Việt Nam ở nước ngoài	CV

<b>Mã VTVL</b>	<b>Tên đơn vị/VTVL</b>	<b>Ngạch công chức tối thiểu</b>
19.2.7	Theo dõi công tác biên giới	CV
19.2.8	Thanh tra	TTV
<b>19.3</b>	<b>Nhóm hỗ trợ, phục vụ</b>	<b>13</b>
19.3.1	Tổ chức nhân sự	CV
19.3.2	Hành chính tổng hợp	CV
19.3.3	Hành chính một cửa	CS
19.3.4	Quản trị công sở	CS
19.3.5	Công nghệ thông tin	CV hoặc TĐ
19.3.6	Kế toán	KTVTC
19.3.7	Văn thư	NV
19.3.8	Lưu trữ	NV hoặc TĐ
19.3.9	Thủ quỹ	NV
19.3.10	Nhân viên kỹ thuật	
19.3.11	Lái xe	
19.3.12	Phục vụ	
19.3.13	Bảo vệ	